

Số: 18/2021/Q[□]ST- DS

Ứng Hòa, ngày 12 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết T1 bộ vụ án dân sự thụ lý số: 54/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết T1 bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng); Trụ sở: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà A, số 210 đường TQK, phường TT, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Văn T – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng A. (Theo giấy ủy quyền số 401/2021/UQ_LienVietPostBankTT ngày 20/10/2021 của Ngân hàng LPB).

* **Bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Đặng Văn T1, sinh năm 1984;

- Chị Ngô Thị T2, sinh năm 1982;

Đều có nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: thôn NX, xã VT, huyện UH, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Xác nhận nợ* : Bị đơn vợ chồng anh Đặng Văn T1 chị Ngô Thị T2 (sau đây gọi tắt là vợ chồng T1 T2) xác nhận có vay vốn Ngân hàng A thông qua việc ký kết

Hợp đồng tín dụng số HDTD1212018189 ngày 09/02/2018, số tiền vay: 200.000.000 đồng; mục đích vay: Mua đồ gỗ nội thất, thời hạn vay 04 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên (Ngày bên Vay bắt đầu nhận tiền vay). Theo đó, ngày 12/02/2018 vợ chồng T1 T2 đã nhận giải ngân tổng số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*) từ ngân hàng theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1212018189/01. Ngoài ra, trong Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ còn có các thỏa thuận về lãi suất, thời hạn vay, và các thỏa thuận khác. Vợ chồng T1 T2 xác nhận hiện còn nợ Ngân hàng tổng số tiền (*lãi tạm tính đến hết ngày 03/11/2021*), cụ thể như sau:

+ Nợ gốc : 111.942.060 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 16.474.927 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 17.850.789 đồng;

+ Lãi phạt: 2.165.223 đồng

Tổng: **148.433.009** đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm*

ba mươi ba nghìn không trăm linh chín đồng).

2.2. Các bên thoả thuận về thời hạn, phương thức thanh toán như sau:

* Phương thức thanh toán: vợ chồng T1 T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng theo 3 đợt trả nợ như sau:

+ Đợt 1: Chậm nhất đến hết ngày 25/11/2021, vợ chồng T1 T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.000.000 đồng nợ gốc;

+ Đợt 2: Chậm nhất đến hết ngày 25/12/2021, vợ chồng T1 T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.000.000 đồng nợ gốc;

+ Đợt 3: Chậm nhất đến hết ngày 25/01/2022, vợ chồng T1 T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc còn lại là 101.942.060 đồng và tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 03/11/2021 là 36.490.939 đồng cùng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 04/11/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Toàn bộ số tiền khi vợ chồng T1 T2 thanh toán, Ngân hàng thu vào nợ gốc trước.

- Khi trả nợ, vợ chồng T1 T2 có quyền làm đơn đề Ngân hàng xem xét giảm tiền lãi cho anh chị;

* Về lãi suất : Kể từ ngày 04/11/2021 bị đơn tiếp tục phải chịu lãi theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết (Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của Ngân hàng VIB) trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả.

- Nếu vợ chồng T1 T2 không thực hiện theo đúng thỏa thuận thanh toán nêu trên (về thời gian, số tiền trả) thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng, cụ thể: Quyền sử dụng thửa đất số 459, tờ bản đồ số 29, diện tích là 121,6m² và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thôn NX, xã VT, huyện UH, TP. Hà Nội, GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 903794; số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02794, do UBND huyện UH cấp ngày 20/12/2013 cho ông Đặng Văn T1 bà Ngô Thị T2, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 375/2018 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/02/2018 của Văn Phòng Công chứng Dương Hương, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 12/02/2018.

- Tr- ờng hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì vợ chồng T1 T2 có nghĩa vụ tiếp tục trả Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ; Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án: Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu số tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 1.855.000 đồng; Chấp nhận sự tự nguyện của Bị đơn nộp cả 3.710.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, xin giảm một phần án phí nên giảm 50% đối với phần án phí mà bị đơn phải chịu; Bị đơn còn phải nộp 2.782.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng A 3.486.000 đồng (Ba triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0057212 ngày 21 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện □ng Hoà.

3. Tr- ờng hợp quyết định đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhân:

THẨM PHÁN

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Quảng Hoà;
- Chi cục T.H.A DS huyện Quảng Hoà;
- Các đồng sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; v/p.

Tô Thanh Phong